



Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 09.04.2021 03:28:49+07:00

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP -
CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP

Mã chứng khoán: BCM

Trụ sở chính: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một,
tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Người công bố thông tin gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật.
2. Ông Phạm Ngọc Thuận - Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật.

Địa chỉ: Số 8, đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh
Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822 655 Fax: 0274 3822 713

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h theo yêu cầu khác

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP công bố Báo cáo tài
chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp đã kiểm toán năm 2020.

**2. Giải trình thay đổi số liệu lợi nhuận sau thuế TNDN trong BCTC năm
2020 so với năm 2019**



21040196

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2020 (đồng)	NĂM 2019 (đồng)	TỶ LỆ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN - BCTC Công ty mẹ	778.141.963.198	1.704.348.298.683	45,66
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN - BCTC hợp nhất	2.186.010.794.719	2.630.885.732.938	83,09

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC năm 2020 của Công ty mẹ giảm 54,34% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC hợp nhất năm 2020 giảm 16,91% so với năm 2019.

- Nguyên nhân: Trong năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài gây ra nhiều khó khăn trong việc tiếp xúc, gặp gỡ khách hàng cũng như các nhà đầu tư, dẫn đến không triển khai được các hợp đồng lớn như dự kiến. Đây là nguyên nhân chính làm cho doanh thu và lợi nhuận năm 2020 giảm mạnh so với năm trước.

3. Giải trình thay đổi số liệu lợi nhuận sau thuế TNDN trong BCTC kiểm toán năm 2020 của Công ty mẹ so với số liệu lũy kế trong BCTC quý 4 năm 2020

STT	KHOẢN MỤC	Số liệu trong BCTC kiểm toán năm 2020	Số liệu lũy kế trong BCTC quý 4/2020	TỶ LỆ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN - BCTC Công ty mẹ	778.141.963.198	719.074.030.580	108,21

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán tăng 8,21% so với số lũy kế trong BCTC Công ty mẹ quý 4/2020.

- Nguyên nhân: Điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời điều chỉnh tăng thu nhập khác

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 05/04/2021 tại đường dẫn: <http://www.becamex.com.vn> mục *Dành cho cổ đông - công bố thông tin*.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Hợp nhất và Tổng Hợp đã kiểm toán năm 2020

Ngày 09 tháng 04 năm 2021

Người công bố thông tin



NGUYỄN VĂN HÙNG



21040196

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 59
8. Phụ lục	60 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145020, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 với mã cổ phiếu là BCM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 822 655
- Fax : (84 - 274) 3 822 713

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng (trước đây là Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng – Thới Hòa)	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phòng 1908-09 tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, Số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Ban Quản lý Phát triển Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khảo sát, đo đạc và vẽ bản đồ địa chính;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; dịch vụ nhà ở công nhân;
- Tư vấn và lập quy hoạch chi tiết, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, lập, thẩm định dự án đầu tư các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Thực hiện kinh doanh các dự án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP;
- Thi công các công trình điện công nghiệp và điện dân dụng;



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết kế, thẩm tra, giám sát và thi công các công trình điện năng từ 35 KV trở xuống (Đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp);
- Quản lý dự án và giám sát thi công công trình;
- Sản xuất, gia công, mua bán các sản phẩm dệt và may mặc;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán hàng điện tử, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng;
- Sản xuất, mua bán vật tư, nguyên liệu và hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa và khai thuê hải quan;
- Thực hiện các dịch vụ tiếp thị, nghiên cứu thị trường và tư vấn đầu tư;
- Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Hoạt động trong lĩnh vực bệnh viện, y tế, giáo dục.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Chủ tịch thường trực	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Phú Thịnh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2018
Ông Quảng Văn Viết Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Ông Giang Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 01 năm 2019
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty.

34498;
ÔNG T
NHIỆM H
JÁN VÀ T
& I
-T.P.H

Số: 1.0995/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 02 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2021

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.709.093.382.826	25.089.480.446.337
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.305.611.857.841	155.450.391.338
1. Tiền	111		105.611.814.699	155.450.391.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.043.142	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.080.572.856.761	7.933.764.653.859
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	3.086.358.185.381	4.807.997.337.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	428.690.789.097	552.231.005.245
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	5.500.000.000	5.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.560.023.882.283	2.568.024.015.266
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	12.295.500
IV. Hàng tồn kho	140		20.301.498.600.973	16.983.694.252.907
1. Hàng tồn kho	141	V.6	20.301.498.600.973	16.983.694.252.907
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.410.067.251	16.571.148.233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	19.471.782.750	14.632.863.732
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.938.284.501	1.938.284.501
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TR. KIẾ
/NB/

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.708.276.175.612	10.754.788.167.430
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		401.977.797.831	494.437.452.831
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	401.977.797.831	494.437.452.831
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		720.308.805.903	759.044.629.322
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	682.616.346.970	724.510.066.211
- Nguyên giá	222		1.415.034.682.276	1.340.998.946.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(732.418.335.306)	(616.488.880.236)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	37.692.458.933	34.534.563.111
- Nguyên giá	228		56.841.037.196	47.233.304.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.148.578.263)	(12.698.741.358)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	486.139.379.577	500.612.631.897
- Nguyên giá	231		560.885.242.408	560.885.242.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(74.745.862.831)	(60.272.610.511)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.185.508.859	28.048.205.759
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.185.508.859	28.048.205.759
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.840.169.110.752	8.700.678.878.879
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12b	1.687.218.195.340	1.687.218.195.340
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12b	7.926.946.264.668	6.785.829.914.668
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	217.369.220.800	217.369.220.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12b	(3.284.570.056)	(46.248.451.929)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12a	11.920.000.000	56.510.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		238.495.572.690	271.966.368.742
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	238.495.572.690	271.966.368.742
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.417.369.558.438	35.844.268.613.767

044!
ÔNG
NHIỆM
JÁN V
&
- T.P

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		26.025.204.922.517	23.687.850.661.044
I. Nợ ngắn hạn	310		18.418.597.746.974	18.708.552.883.332
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	415.862.966.897	283.533.642.188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.599.999.829.984	1.912.654.264.348
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	300.087.326.685	208.322.509.642
4. Phải trả người lao động	314	V.16	25.380.252.933	24.388.582.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.602.279.460.531	7.232.998.540.199
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	3.261.182.787	1.540.589.009
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.485.112.011.243	1.533.987.287.922
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	4.710.023.860.570	7.338.186.614.681
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	276.590.855.344	172.940.853.039
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.606.607.175.543	4.979.297.777.712
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	16.304.996.478	16.304.996.478
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	93.901.247.468	50.048.589.493
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	5.856.760.000	6.130.430.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	7.352.030.349.152	4.821.813.761.741
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	138.513.822.445	85.000.000.000

15-C
Y
TƯ H
TƯ V
3
JCH

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

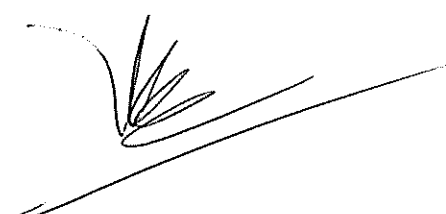
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.392.164.635.921	12.156.417.952.723
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.392.164.635.921	12.156.417.952.723
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.23	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	770.038.865.253	88.299.545.780
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.23	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	1.272.125.770.668	1.718.118.406.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		493.983.807.470	1.718.118.406.943
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		778.141.963.198	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.417.369.558.438	35.844.268.613.767

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Phước Đại
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởngPhạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

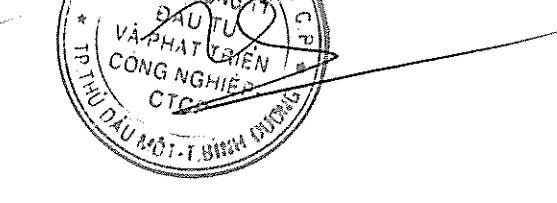
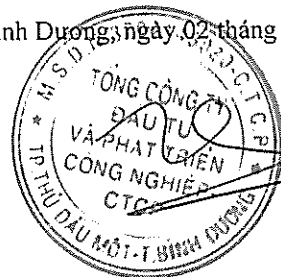
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.103.898.415.802	5.276.453.004.509
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	48.968.617.530	586.044.817.893
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.054.929.798.272	4.690.408.186.616
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.327.005.582.101	2.494.766.360.375
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.727.924.216.171	2.195.641.826.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	370.422.151.219	1.326.444.567.622
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	308.841.651.334	386.504.796.222
Trong đó: chi phí lãi vay	23		351.773.123.207	366.359.800.752
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	574.592.537.721	672.489.585.839
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	363.689.380.280	572.222.286.795
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		851.222.798.055	1.890.869.725.007
11. Thu nhập khác	31	VI.8	56.716.330.538	52.240.351.863
12. Chi phí khác	32	VI.9	6.241.155.665	19.926.627.218
13. Lợi nhuận khác	40		50.475.174.873	32.313.724.645
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		901.697.972.928	1.923.183.449.652
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	123.556.009.730	218.835.150.969
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>778.141.963.198</u>	<u>1.704.348.298.683</u>

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021


 Nguyễn Phước Đại
 Người lập


 Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng


 Phạm Ngọc Thuận
 Tổng Giám đốc


TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		901.697.972.928	1.923.183.449.652
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		V.9; V.10;		
	02	V.11	138.872.784.954	130.364.856.496
- Các khoản dự phòng	03	V.12b	(42.963.881.873)	18.137.773.572
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(368.869.488.090)	(1.325.015.411.921)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	351.773.123.207	366.359.800.752
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.22	53.513.822.445	85.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.034.024.333.571	1.198.030.468.551
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.841.302.567.532	3.457.984.208.061
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.385.358.216.205)	(2.505.377.313.498)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.235.584.439.960	832.839.990.916
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		28.631.877.034	43.069.201.105
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả		V.6; V.17;		
	14	VI.5	(1.197.209.366.522)	(1.688.123.386.602)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(132.476.462.316)	(234.927.867.147)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(24.745.277.695)	(10.220.961.414)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.399.753.895.359	1.093.274.339.972
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.9; V.11; VII	(75.384.609.353)	(45.264.421.542)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8; VI.8	137.272.727	1.464.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.740.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.12a	44.590.000.000	62.195.850.645
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12b	(1.141.116.350.000)	(915.549.640.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	889.839.498.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	1.462.799.859.270	678.663.124.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		291.026.172.644	658.608.957.446

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	224.189.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	6.187.138.078.163	5.523.093.806.354
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(6.313.756.679.663)	(8.937.945.547.969)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(414.000.000.000)	(607.548.660.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(540.618.601.500)</i>	<i>(3.798.211.401.615)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.150.161.466.503	(2.046.328.104.197)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	155.450.391.338	2.201.778.495.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.305.611.857.841	155.450.391.338

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Phước Đại
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV theo Quyết định số 849/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Dịch vụ cho thuê, quản lý và xử lý nước thải Khu Công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Sản xuất và chế biến mù cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng. Đối với hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh tùy thuộc theo từng phương án đầu tư.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, do tình hình dịch bệnh kéo dài gây ra nhiều khó khăn trong việc tiếp xúc, gặp gỡ khách hàng cũng như các nhà đầu tư, dẫn đến không triển khai được các hợp đồng lớn như dự kiến. Đây là nguyên nhân chính làm cho doanh thu và lợi nhuận năm 2020 giảm mạnh so với năm trước.

Ngoài ra, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BCM theo Quyết định số 420/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

6. Cấu trúc Tổng Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Tầng 5 Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, sửa chữa, khai thác thu phí giao thông. Xây dựng dân dụng & công nghiệp, kinh doanh bất động sản	78,80%	78,80%	78,80%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	C1-2-3 Đường DT6, Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ Bình Dương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bê tông trộn sẵn. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp, khu dân cư và đô thị, kinh doanh bất động sản	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Lô I, Đồng Khởi, Phường Hoà Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị. Thi công các công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng	60,70%	60,70%	60,70%

15-C
Y
U HAI
U VAI
CHIT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, Khu Công nghiệp. Kinh doanh bất động sản	51,82%	51,82%	51,82%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Đường TC3, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Khám chữa bệnh	65,47%	65,47%	65,47%
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Giáo dục	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Đại lộ Bình Dương, Khu Gò Cát, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Khám và chữa bệnh	85,00%	85,00%	85,00%
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex (*)	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện, các dịch vụ khách sạn, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex (*)	Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh hoạt động trung tâm thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đại lý vé máy bay, tàu hỏa	78,80%	78,80%	100,00%
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương (*)	B11, Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	Hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	78,80%	78,80%	100,00%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt (**)	D12, Lê Hoàn, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở,...	60,70%	60,70%	100,00%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex (**)	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện,...	35,21%	35,21%	58,00%
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Becamex (**)	Áp Mương Đào, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép,...	49,17%	49,17%	81,00%

(*) Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật.

(**) Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Số 8, Đại lộ Hữu Nghị, VSIP, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Khu Công nghiệp	49,00%	49,00%	49,00%

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Lô Z.01-02-03A Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm	35,19%	35,19%	35,19%
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	21 VSIP II, Đường số 1 Khu Công nghiệp VSIP II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh viễn thông, công nghệ thông tin	48,59%	48,59%	48,59%
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Đầu tư, kinh doanh cấp và thoát nước	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Khu đô thị mới thuộc Khu Liên hợp Công nghiệp Dịch vụ và Đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh khu đô thị	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Lô M2 Lý Thái Tổ, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh giáo dục	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Tầng 17 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	Quốc lộ 13 Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Đường ĐT750, Xã Cây Trường, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương	Nuôi trồng, kinh doanh cao su, mủ cao su	46,94%	46,94%	46,94%
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Số 35, Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore	Tầng 19, Tòa Nhà Becamex Tower, 230 Đại Lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	36,00%	36,00%	36,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Mỹ Phước	Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng (trước đây là Xí nghiệp Phát triển Công nghiệp Bàu Bàng – Thới Hòa)	Khu Công nghiệp Bàu Bàng, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	Phòng 1908-09 tầng 19, Cao ốc Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây dựng Giao thông Becamex	Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Ban quản lý Phát triển Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương	Đường Huỳnh Văn Lũy, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 1648 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.651 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

N.03
TRÁC
KIỂM
V.01

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Đánh giá lại

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh các khoản làm tăng hoặc giảm vốn đầu tư kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo nguyên tắc:

- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá tham chiếu của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Giá trị vốn góp của Tổng Công ty vào các doanh nghiệp khác (không phải là doanh nghiệp niêm yết hoặc giao dịch trên thị trường UPCOM) được xác định trên cơ sở tỷ lệ vốn thực góp nhân (x) với giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khác. Trường hợp giá trị vốn đầu tư của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác khi đánh giá, xác định lại có giá trị thực tế thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của Tổng Công ty thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư (số lỗ phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm kết thúc năm tài chính) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ góp điều lệ của Tổng Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị thương hiệu này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

Tài sản vô hình khác

Tài sản vô hình khác bao gồm chi phí thiết kế trang web, các giấy chứng nhận ISO. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 10 năm.

11. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng thuộc sở hữu của Tổng Công ty nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của nhà văn phòng là 50 năm.

12. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

3004
CÔNG
HÀNH
TOÁN
A
H-1

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của các cổ đông

Vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

ANH * H.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi tăng giá trị khoản đầu tư.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

M.P
TRÁ
KIẾP
V.B.I

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.793.972.043	694.545.362
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.817.842.656	154.755.845.976
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng) ⁽ⁱ⁾	<u>1.200.000.043.142</u>	-
Cộng	<u>1.305.611.857.841</u>	<u>155.450.391.338</u>

- ⁽ⁱ⁾ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng**2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.907.474.980.639</i>	<i>3.095.600.967.125</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	721.767.329.607	1.710.255.398.315
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	21.169.696.955	40.399.721.506
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	930.160.089.473	1.031.021.330.525
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	117.285.030.400	277.285.604.503
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	116.130.820	33.114.027
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	8.957.779.600	7.106.594.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	1.416.003.340	1.416.003.340
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	-	11.471.166.757
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	2.987.462.427	2.987.707.846
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	8.965.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	90.108.304.629	10.874.326.306
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	2.039.695.020	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	2.458.368	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.178.883.204.742</i>	<i>1.712.396.370.723</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Bình Dương	670.970.219.000	896.353.906.151
Các khách hàng khác	507.912.985.742	816.042.464.572
Cộng	<u>3.086.358.185.381</u>	<u>4.807.997.337.848</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>401.977.797.831</i>	<i>494.437.452.831</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	92.459.655.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	401.977.797.831	401.977.797.831
Cộng	<u>401.977.797.831</u>	<u>494.437.452.831</u>

Các khoản phải thu dài hạn của khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>375.112.277.240</i>	<i>473.707.486.324</i>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	375.112.277.240	473.345.415.246
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	-	362.071.078
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>53.578.511.857</i>	<i>78.523.518.921</i>
Cộng	<u>428.690.789.097</u>	<u>552.231.005.245</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH Tùng Trần vay với lãi suất 7%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.248.395.982.850	-	2.311.950.146.988	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	738.718.033.984	-	1.765.225.764.886	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</i>	-	-	612.623.625.902	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</i>	-	-	424.358.825.000	-
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore</i>	728.243.313.984	-	728.243.313.984	-
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</i>	10.474.720.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm trả cổ tức	-	-	116.433.256.810	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Lãi chậm thanh toán	31.776.079.874	-	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật - Lãi chậm trả cổ tức	257.336.457.361	-	208.552.603.867	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu tiền đã thu hộ từ khách hàng	48.772.324.150	-	50.609.665.300	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định- Phải thu chi phí hoạt động Trung tâm đào tạo Nhật ngữ và Toán học – Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu chi phí chi phí hoạt động	171.793.087.481	-	-170.275.771.751	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	311.627.899.433	-	256.073.868.278	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	4.209.645.250	-	4.091.395.598	-
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	247.709.926.419	-	170.378.823.205	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo số tiền khách hàng ứng trước để sang nhượng và thuê đất	25.914.080.610	-	18.184.561.271	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.121.070.684	-	1.690.807.142	-
Tạm ứng chi phí công tác	23.329.632.663	-	45.262.783.963	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	268.000.000	-	90.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.075.543.807	-	16.375.497.099	-
Cộng	1.560.023.882.283	-	2.568.024.015.266	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.069.131.761	-	29.410.451.202	-
Công cụ dụng cụ	121.100.000	-	20.480.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	18.236.229.117.603	-	14.905.264.138.756	-
Thành phẩm	86.019.230	-	86.019.230	-
Hàng hóa	2.044.993.232.379	-	2.048.913.163.719	-
Cộng	20.301.498.600.973	-	16.983.694.252.907	-

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Tổng Công ty là chi phí xây dựng dở dang của các dự án bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, các chi phí phải trả để có được quyền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí khác có liên quan đến dự án. Một số tài sản đầu tư xây dựng dở dang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của các ngân hàng và trái phiếu phát hành (xem thuyết minh số V.20).

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình trong năm là 911.684.416.680 VND (năm trước là 1.185.256.434.156 VND).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.438.795.537	1.817.344.796
Chi phí phần mềm	44.266.664	4.090.051.882
Chi phí đồng phục nhân viên	3.912.000.000	3.906.000.004
Chi phí quảng cáo	2.903.030.301	832.665.471
Chi phí tư vấn	2.810.125.000	1.635.249.999
Chi phí môi giới nhà ở	2.948.000.000	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.415.565.248	2.351.551.580
Cộng	19.471.782.750	14.632.863.732

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	398.366.374
Giá trị thương hiệu	10.733.244.561	12.248.526.141
Giá trị lợi thế kinh doanh	225.519.447.683	257.357.487.359
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.242.880.446	1.961.988.868
Cộng	238.495.572.690	271.966.368.742

8. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết về Tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.620.058.000	16.197.882.339	415.364.130	47.233.304.469
Mua trong năm	-	9.607.732.727	-	9.607.732.727
Số cuối năm	30.620.058.000	25.805.615.066	415.364.130	56.841.037.196

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.436.169.389	415.364.130	8.851.533.519
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.181.268.604	9.102.108.624	415.364.130	12.698.741.358
Khấu hao trong năm	791.503.536	5.658.333.369	-	6.449.836.905
Số cuối năm	3.972.772.140	14.760.441.993	415.364.130	19.148.578.263
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	27.438.789.396	7.095.773.715	-	34.534.563.111
Số cuối năm	26.647.285.860	11.045.173.073	-	37.692.458.933
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	560.885.242.408	60.272.610.511	500.612.631.897
Khấu hao trong năm		14.473.252.320	
Số cuối năm	560.885.242.408	74.745.862.831	486.139.379.577

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tòa nhà Becamex Tower	250.260.603.705	25.866.927.795	224.393.675.910
Khách sạn Becamex	184.338.675.220	27.650.801.300	156.687.873.920
Nhà ở xã hội	120.070.248.170	17.964.883.177	102.105.364.993
Bất động sản đầu tư khác	6.215.715.313	3.263.250.559	2.952.464.754
Cộng	560.885.242.408	74.745.862.831	486.139.379.577

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi ph phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào hàng tồn kho trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	23.942.797.759	10.802.959.646	(10.465.656.546)	(7.200.000.000)	17.080.100.859
Xây dựng cơ bản dở dang	4.105.408.000	-	-	-	4.105.408.000
<i>Công trình thi công hệ thống thiết bị tin học</i>	<i>4.105.408.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.105.408.000</i>
Cộng	28.048.205.759	10.802.959.646	(10.465.656.546)	(7.200.000.000)	21.185.508.859

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

12a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu ngân hàng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

12b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.687.218.195.340	-	1.687.218.195.340	(4.819.649.980)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật ⁽ⁱ⁾	777.837.621.600	-	777.837.621.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị ⁽ⁱⁱ⁾	50.490.000.000	-	50.490.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	424.903.500.000	-	424.903.500.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương ^(iv)	111.940.257.600	-	111.940.257.600	(4.819.649.980)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước ^(v)	121.630.314.367	-	121.630.314.367	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông ^(vi)	30.416.501.773	-	30.416.501.773	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex ^(vii)	170.000.000.000	-	170.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7.926.946.264.668	(3.284.570.056)	6.785.829.914.668	(41.428.801.949)
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(viii)	1.295.442.007.510	-	1.295.442.007.510	-
Công ty Cổ phần Setia – Becamex ^(ix)	178.151.496.663	-	178.151.496.663	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi ^(x)	55.873.557.078	-	55.873.557.078	-
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ^(xi)	88.558.227.697	-	88.558.227.697	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu ^(xii)	2.932.020.037.837	-	2.932.020.037.837	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông ^(xiii)	101.305.497.883	-	101.305.497.883	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương ^(xiv)	375.000.000.000	-	375.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW ^(xv)	2.603.495.440.000	-	1.474.979.090.000	(39.335.017.145)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước ^(xvi)	160.000.000.000	-	160.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương ^(xvii)	84.500.000.000	-	84.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định ^(xviii)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	(2.093.784.804)
Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore ^(xix)	12.600.000.000	(3.284.570.056)	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	217.369.220.800	-	217.369.220.800	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore ^(xx)	217.369.220.800	-	217.369.220.800	-
Cộng	9.831.533.680.808	(3.284.570.056)	8.690.417.330.808	(46.248.451.929)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700805566 thay đổi lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật 108.033.003 cổ phiếu, tương đương 78,80% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 777.837.621.600 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785535 thay đổi lần thứ 06 ngày 03 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị 84.150.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 50.490.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700413826 thay đổi lần thứ 20 ngày 12 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương 607.005.000.000 VND, tương đương 60,70% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 424.903.500.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992 thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương 155.472.580.000 VND, tương đương 51,82% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 111.940.257.600 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 thay đổi lần thứ 06 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước 148.934.000.000 VND, tương đương 65,47% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 121.630.314.367 VND.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 thay đổi lần thứ 01 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Trường Đại học Quốc tế Miền Đông 30.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 30.416.501.773 VND.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702291330 thay đổi lần thứ 01 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex 170.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 463023000267 thay đổi lần thứ 08 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 461.013.591.047 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 1.295.442.007.510 VND.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000230 thay đổi lần thứ 06 ngày 14 tháng 10 năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Setia – Becamex 264.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 178.151.496.663 VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303923529 thay đổi lần thứ 09 ngày 20 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi 5.629.900 cổ phiếu, tương đương 35,19% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 55.873.557.078 VND.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497 thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam 117.116.380.000 VND, tương đương 48,59% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 88.558.227.697 VND.
- (xii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461022000756 thay đổi lần thứ 04 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Becamex Tokyu 3.010.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 2.932.020.037.837 VND.
- (xiii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701972175 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông 91.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 101.305.497.883 VND.
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương 375.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (xv) Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW 1.128.516.350.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty đã đầu tư 2.603.495.440.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.474.979.090.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).
- (xvi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800405138 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước 160.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xvii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700248731 thay đổi lần thứ 05 ngày 07 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương 84.500.000.000 VND, tương đương 46,94% vốn điều lệ.
- (xviii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101505893 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định 40.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.
- (xix) Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Giải pháp năng lượng thông minh Việt Nam - Singapore 12.600.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ.
- (xx) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011032000080 thay đổi gần nhất ngày 20 tháng 01 năm 2016 do Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội cấp, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore 52.025.280.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty là 217.369.220.800 VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế và được Chi cục Thuế TP. Thủ Dầu Một thông báo chuyển nghĩa vụ nộp thừa sang công ty sáp nhập.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường. Tuy ảnh hưởng của dịch Covid19 làm hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty bị ảnh hưởng, nhưng nhìn chung không có biến động lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.248.451.929	28.110.678.357
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	(42.963.881.873)	18.137.773.572
Số cuối năm	<u>3.284.570.056</u>	<u>46.248.451.929</u>

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	257.851.684	113.970.546
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-
Cho thuê mặt bằng	218.181.818	-
Doanh thu khác	6.090.000	-
Chi phí hợp tác kinh doanh	14.252.140.353	-
Hàng bán trả lại	(3.786.492.000)	-
Lãi chậm trả cổ tức	48.783.853.494	41.807.487.472
Cổ tức được chia	108.033.003.000	129.639.603.600
Chi phí dịch vụ thi công công trình	-	2.071.851.789
Chi phí các dịch vụ khác	4.090.909	1.588.486.365
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải trả	999.653.647.870	1.751.450.320.585
Doanh thu hợp tác kinh doanh tạm chia	13.092.335.072	11.956.977.604
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	785.000.000	1.761.042.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị		
Cung cấp điện	94.089.600	152.778.076
Hàng bán trả lại	16.945.171.173	-
Cổ tức được chia	10.098.000.000	10.098.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	311.489.000	339.602.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	59.990.013	-
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-
Tiền điện, cho thuê mặt bằng	294.153.455	578.023.091

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm trả cổ tức	31.412.595.670	31.962.287.993
Cổ tức được chia	60.700.500.000	72.840.600.000
Chi phí dịch vụ thi công công trình	73.674.536.894	60.233.463.451
Mua vật tư cho các công trình	12.225.297.123	15.052.362.421
Nhận cung cấp dịch vụ môi giới	3.308.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	860.000.000	860.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i>		
Phí quản lý, tiền điện, xử lý nước thải	197.106.069	171.437.853
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.033.122.436	-
Cổ tức được chia	18.656.709.600	15.547.258.000
Mua hộ khẩu trang	13.090.909	-
Chi phí dịch vụ thi công công trình	(144.549.091)	112.266.551.091
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	220.622.000	226.440.000
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Phí quản lý	234.491.790	-
Cung cấp dịch vụ khảo sát địa chất	-	63.818.182
Cung cấp điện	341.005.421	497.986.283
Cổ tức được chia	10.474.720.000	-
Mua hộ khẩu trang	19.636.364	-
Chi phí các dịch vụ khác	253.813.950	490.944.341
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	172.200.000	254.400.000
<i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i>		
Chi hộ chi phí hoạt động	7.600.988.092	4.465.388.785
Chi phí tài trợ học bổng	1.493.915.600	1.605.003.600
Thu tiền chi hộ	-	24.760.448.532
<i>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex</i>		
Cho thuê công trình và trang thiết bị	24.000.000.000	18.000.000.000
Mua hộ khẩu trang	36.654.545	-
Chi phí khám sức khỏe nhân viên	262.201.771	206.805.088
Thu tiền cho thuê công trình và trang thiết bị	-	212.200.000.000
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore</i>		
Doanh thu các công trình xây dựng	-	8.627.135.682
Doanh thu bán cây	496.000.000	-
Cổ tức được chia	-	460.600.000.000
Ứng tiền đầu tư dự án	83.206.621.076	40.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Setia – Becamex</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	28.349.260.424
Mua hộ khẩu trang	5.236.364	-

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi		
Cổ tức được chia	16.889.700.000	16.889.700.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Phí quản lý, xử lý nước thải	23.936.044	28.414.211
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-
Cổ tức được chia	17.844.600.000	-
Mua thiết bị, thi công công trình	1.286.117.820	39.158.710.779
Chi phí thi công	28.757.522.195	-
Nhận cung cấp dịch vụ cước, bảo trì	454.808.271	7.640.829.764
Mua tài sản cố định	12.169.001.954	-
Mua hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	5.217.581.260
Chi phí thuê chỗ đặt server	566.580.000	-
Chi phí lãi vay	970.416.667	-
Tiền cho mượn	80.000.000.000	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng vay	146.304.303	144.564.551
Chi phí các dịch vụ khác	-	436.538.863
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông		
Cổ tức được chia	4.575.000.000	13.725.000.000
Chi phí lãi vay	1.624.043.056	-
Tiền cho mượn	74.000.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chi hộ	839.228.181	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương		
Cho thuê mặt bằng	-	70.000.000
Sang nhượng quyền sử dụng đất	252.540.400.000	-
Cổ tức được chia	37.500.000.000	43.050.000.000
Chi phí xử lý bùn thải	8.070.960.000	-
Chi phí dịch vụ thi công công trình	48.775.240.803	-
Chi phí xử lý rác thải	1.017.974.500	-
Chi phí sử dụng nước	1.983.014.880	-
Mua nguyên vật liệu	-	75.200.000
Mua nước	-	2.429.452.747
Thanh lý khoản đầu tư	-	240.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	281.760.254.036
Phí quản lý	5.362.736.400	9.548.995.712
Lãi phạt quá hạn thanh toán	45.381.840	-
Góp vốn	1.128.516.350.000	705.549.640.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước		
Thanh lý tài sản cố định	-	10.000.000
Cung cấp dịch vụ dự án	58.501.823.000	69.724.053.998
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-

30044
CÔNG
NH
TOÁN
A &
H-T.P

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê xe	9.671.487.249	-
Doanh thu bán cây	1.660.321.000	-
Tạm ứng tiền bồi thường dự án - chi hộ	60.000.000.000	-
Mua hộ khẩu trang	57.142.800	-
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	-	9.069.041.253
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương		
Hàng bán trả lại	88.857.291.107	-
Mua hộ khẩu trang	19.636.364	-
Cổ tức được chia	-	8.450.000.000
Chi phí giải tỏa bồi thường	-	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định		
Chuyển giao phần mềm	2.272.727.273	-
Chi hộ	1.403.509.817	169.039.050.388
Chi phí lãi vay	20.626.666.667	-
Ứng tiền theo biên bản thỏa thuận	-	480.000.000.000
Góp vốn	-	40.000.000.000

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	77.328.431.627	70.012.728.067
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	23.581.337.778	23.581.337.778
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	-	870.556.000
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	12.146.115.471	677.441.900
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	542.637.000	440.316.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	20.710.668.426	26.076.047.055
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	9.344.308.245	10.278.118.502
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	3.907.142.580	4.278.236.426
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	2.412.434.177	2.412.434.177
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	253.813.950	491.190.141
Công ty TNHH Xe Buýt Becamex Tokyu	4.429.974.000	700.245.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	-	206.805.088
Phải trả các nhà cung cấp khác	338.534.535.270	213.520.914.121
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC	66.074.059.995	58.171.643.375
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng RICON S	117.971.892.595	-
Các nhà cung cấp khác	154.488.582.680	155.349.270.746
Cộng	<u>415.862.966.897</u>	<u>283.533.642.188</u>

13b. Phải trả người bán dài hạn

Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Bên liên quan.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	88.528.833.243	85.684.864.980
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	88.528.833.243	-
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	-	85.684.864.980
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	2.511.470.996.741	1.826.969.399.368
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển DDK Việt Nam	67.580.966.063	90.912.597.624
Công ty TNHH An Tâm B.S.C	712.136.771	189.846.342.400
Các khách hàng khác	2.443.177.893.907	1.546.210.459.344
Cộng	<u>2.599.999.829.984</u>	<u>1.912.654.264.348</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xử lý nước thải, bán mù cao su thô, đền bù, giải phóng mặt bằng	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong Khu Chế xuất	0%
- Dịch vụ cung cấp nước sạch sinh hoạt	05%
- Các hoạt động khác	10%

Riêng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với bán, cho thuê nhà ở xã hội là 05% kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Tổng Công ty được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đối với bán, cho thuê nhà ở thương mại có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu VND/m².

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ bán, cho thuê nhà ở xã hội nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% cho thu nhập phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	901.697.972.928	1.923.183.449.652
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	854.308.322	3.383.466.787
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	902.552.281.250	1.926.566.916.439
Thu nhập được miễn thuế	(284.772.232.600)	(832.391.161.600)
Thu nhập tính thuế	617.780.048.650	1.094.175.754.839
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>123.556.009.730</u>	<u>218.835.150.969</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tổng Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Thuế tài nguyên

Thuế tài nguyên được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động
Tiền lương phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	147.298.031.132	88.960.577.386
Trích trước giá vốn các dự án	8.126.729.262.978	7.030.429.428.872
Trích trước chi phí hợp tác kinh doanh Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng	170.811.370.661	110.889.037.594
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	157.440.795.760	2.719.496.347
Cộng	<u>8.602.279.460.531</u>	<u>7.232.998.540.199</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện
Tiền thuê đất nhận trước tại các Khu Công nghiệp.

19. Phải trả khác

- 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.332.561.592.654</i>	<i>1.234.327.472.310</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Tiền ứng vốn hợp tác kinh doanh	472.430.287.054	472.430.287.054
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Tiền lãi hợp tác kinh doanh tạm chia	3.646.022.353	4.936.736.724
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định – Tiền ứng đầu tư dự án	460.000.000.000	480.000.000.000
Công ty Cổ Phần Bệnh viện Đa khoa Quốc Tế Becamex - Tiền ứng đầu tư dự án	185.800.000.000	212.200.000.000
Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam Singapore - Tiền ứng đầu tư dự án	123.206.621.076	40.000.000.000
Trường Đại học Quốc Tế Miền Đông	13.478.662.171	24.760.448.532

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam - Tiền ứng đầu tư dự án	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông - Tiền cho mượn	24.000.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	157.635.418.589	299.659.815.612
Kinh phí công đoàn	5.437.166.939	3.431.601.467
Bảo hiểm thất nghiệp	490.585.742	216.359.019
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.390.860.000	5.321.400.000
Tài sản thừa chờ xử lý	672.711.380	1.714.682.707
Thù lao chi hộ thành viên HĐQT của các công ty con	4.020.693.854	3.825.442.000
Tiền lương bổ sung còn phải trả nhân viên	114.197.159.118	228.808.120.972
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	22.341.241.556	56.342.209.447
Cộng	<u>1.485.112.011.243</u>	<u>1.533.987.287.922</u>

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	877.840.000	1.377.840.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	312.840.000	312.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật – Nhận ký quỹ dài hạn	230.100.000	230.100.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	184.900.000	234.900.000
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	100.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam - Nhận ký quỹ dài hạn	50.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.978.920.000	4.752.590.000
Cộng	<u>5.856.760.000</u>	<u>6.130.430.000</u>

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.317.131.012.181	2.971.829.614.684
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	3.317.131.012.181	2.971.829.614.684
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	84.117.001.000	84.827.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	384.029.999.997	492.029.999.997
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương	-	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi	19.999.999.997	19.999.999.997

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai</i>	47.880.000.000	47.880.000.000
<i>Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	246.150.000.000	246.150.000.000
<i>Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương</i>	10.000.000.000	8.000.000.000
<i>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)</i>	924.745.847.392	3.789.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt</i>	74.483.835.616	37.500.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	35.568.000.000	36.000.000.000
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam</i>	101.113.775.343	69.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt</i>	19.760.000.000	20.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	19.880.000.000	20.000.000.000
<i>Vietnam Debt Fund SPC</i>	19.640.000.000	20.000.000.000
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam</i>	11.856.000.000	12.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương</i>	335.356.600.000	340.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	59.294.986.950	60.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	98.824.978.250	100.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương</i>	148.967.671.233	2.155.000.000.000
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>	-	500.000.000.000
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga</i>	-	400.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược</i>	-	20.000.000.000
Cộng	<u>4.710.023.860.570</u>	<u>7.338.186.614.681</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, với lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 1 theo Hợp đồng thế chấp số 01A/83576/HĐMP1 ngày 27 tháng 9 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 407.341 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2 theo Hợp đồng thế chấp số 02A/83576/HĐMP2 ngày 30 tháng 11 năm 2007 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 614.107 triệu VND;
- Quyền kinh doanh và khai thác dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3 theo Hợp đồng thế chấp số 03A/83576/HĐMP3 ngày 24 tháng 3 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản cầm cố thế chấp là 717.533 triệu VND;
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 52.400,50 m² trong Khu Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2012/HĐ ngày 20 tháng 3 năm 2012 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp là 576.405 triệu VND;
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 111.044,40 m² trong Khu Thành phố mới Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 02/2017/83576/HĐBĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp là 1.002.377 triệu VND;
- Quyền sử dụng đất với tổng diện tích 730.464,10 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/83576/HĐBĐ và phụ lục ngày 11 tháng 12 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp là 3.449.474 triệu VND.

(ii) Các khoản huy động vốn của các cá nhân với lãi suất theo thông báo từng thời kỳ.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.252.357.460.009	2.626.387.460.006
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	125.000.000.000	185.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	230.510.000.000	278.390.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.787.447.460.009	1.807.447.460.006
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	109.400.000.000	355.550.000.000
Vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương ^(v)	45.000.000.000	55.000.000.000
Trái phiếu thường dài hạn	5.054.672.889.143	2.140.426.301.735
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(2.159.333.333)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(2.332.080.000)
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga		
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(863.733.333)
Ngân hàng TNHH Indovina		
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(1.079.666.667)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược		
- Mệnh giá trái phiếu	-	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(43.186.667)
Ngân hàng TMCP Bảo Việt		
- Mệnh giá trái phiếu	-	75.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(1.116.164.384)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam		
- Mệnh giá trái phiếu	-	66.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(982.224.657)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương		
- Mệnh giá trái phiếu	-	150.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	(2.232.328.767)
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex ^(vi)		
- Mệnh giá trái phiếu	36.000.000.000	72.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(304.635.616)	(1.168.635.616)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA Việt Nam ^(vii)		
- Mệnh giá trái phiếu	36.000.000.000	72.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(166.553.425)	(1.030.553.425)

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

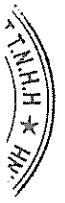
Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Bản Việt^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	40.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(86.136.986)	(566.136.986)
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	40.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(43.068.493)	(283.068.493)
<i>Vietnam Debt Fund SPC^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	20.000.000.000	40.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(129.205.479)	(849.205.479)
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	12.000.000.000	24.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(120.723.288)	(408.723.288)
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương^(vi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	40.000.000.000	80.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(402.410.960)	(1.362.410.960)
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong^(vii)</i>	-	
- Mệnh giá trái phiếu	60.000.000.000	120.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(258.826.708)	(1.668.852.808)
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Hồ Chí Minh^(vii)</i>	-	
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(431.377.848)	(2.781.421.348)
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương^(viii)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	900.000.000.000	1.200.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	(9.319.172.054)	(17.645.972.054)
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	1.200.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(16.786.849.314)	-
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.797.808.219)	-
<i>Ngân hàng liên doanh Việt Nga- Chi nhánh TP. HCM^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	400.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(5.595.616.438)	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	200.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(2.797.808.220)	-
<i>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB^(ix)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	140.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(1.242.739.726)	-



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank^(xi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	535.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(13.062.916.667)	-
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam^(xi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	165.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(4.028.750.000)	-
<i>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam^(xi)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	800.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(19.533.333.333)	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện^(xii)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(887.671.233)	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội^(xiii)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	100.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(887.671.233)	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)^(xiv)</i>		
- Mệnh giá trái phiếu	50.000.000.000	-
- Chi phí phát hành trái phiếu	(443.835.616)	-
Cộng	<u>7.352.030.349.152</u>	<u>4.821.813.761.741</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/83576/HĐDH ngày 29 tháng 11 năm 2013 với số tiền vay 500 tỷ VND, thời hạn 10 năm để thực hiện dự án đầu tư "Bệnh viện đa khoa quốc tế Miền Đông - Giai đoạn 1" bao gồm thanh toán tiền mua, nhập khẩu máy móc thiết bị y tế và chi phí xây dựng cơ bản, lãi suất vay áp dụng cơ chế lãi suất thả nổi và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Tổng Công ty và đối tác khác mà Tổng Công ty là người thụ hưởng. Toàn bộ các khoản phải thu, nguyên vật liệu - hàng hóa tồn kho, chi phí sản xuất dở dang bảo đảm nợ vay cho ngân hàng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 07/2010/HĐTD-DA (MP-TV) ngày 07 tháng 10 năm 2010 với số tiền 1.500 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ban hành cộng biên độ 3,5%/năm để thực hiện Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản Dự án xây dựng đường Mỹ Phước - Tân Vạn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi theo Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/1 và Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.966.14052018/1 ngày 15 tháng 6 năm 2018 với tổng hạn mức 1.948 tỷ VND, thời hạn 120 tháng, lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ để đền bù/mua đất thực hiện Khu công nghiệp Cây Trường và Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- 16 bất động sản tại Khu tái định cư Hòa Lợi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá 452.620 triệu VND.
- 28 bất động sản tại huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá 2.174.857 triệu VND.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng China Construction Bank Corporation – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và các tổ chức tài chính khác theo hợp đồng tín dụng số SYND-CCB/2017-001 ngày 25 tháng 4 năm 2017 với số tiền 1.094 tỷ VND, thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên để bổ sung nguồn vốn phục vụ Dự án đầu tư, xây dựng, khai thác Khu công nghiệp và Đô thị Lai Hưng hoặc Mở rộng Khu công nghiệp và Đô thị Bàu Bàng, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Lãi suất trong giai đoạn từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày hoàn trả đầu tiên là 11%/năm; sau ngày hoàn trả đầu tiên, lãi suất được xác định bằng tổng lãi suất tham chiếu áp dụng cộng với lãi suất biên 4%/năm hoặc 10%/năm tùy mức nào cao hơn.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp: Quyền sử dụng đất tổng diện tích 378.783,40 m² tại Khu dân cư Ấp 5C, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, giá trị tài sản được định giá 1.371.373 triệu VND.

- (v) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương theo hợp đồng số 12/2010/HĐTD ngày 14 tháng 12 năm 2010 với lãi suất 09%/năm, thời hạn 15 năm kể từ ngày nhận khoản giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn 04 năm) để đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án "Đầu tư đường Mỹ Phước - Tân Vạn".

- (vi) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bản Việt, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Vietnam Debt Fund SPC, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 1.000 tỷ VND, khối lượng phát hành thành công là 920 tỷ VND. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, thanh toán gốc định kỳ 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2018. Trái phiếu có lãi suất cố định kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương cộng biên độ tùy theo loại trái phiếu:

- Trái phiếu 1 có tổng mệnh giá phát hành 500 tỷ VND, khối lượng phát hành thành công là 420 tỷ VND nhằm bổ sung vốn đầu tư dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm;
- Trái phiếu 2 có tổng mệnh giá phát hành 500 tỷ VND, khối lượng phát hành thành công là 500 tỷ VND nhằm tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng Công ty, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất cộng biên độ 3,8%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất số AN721598, AN721512 có tổng diện tích 129.398,90 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 03/2017/83576/HĐBĐ ngày 10 tháng 05 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp là 1.045.559 triệu VND;
 - Quyền sử dụng đất số AN721588 có diện tích 105.240,00 m² tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên và xã Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 04/2017/83576/HĐBĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng, giá trị tài sản thế chấp là 583.917 triệu VND.
- (vii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

N.0
TRÁI
KIỂM
N.0

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành 800 tỷ VND dùng để tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 15 tháng 5 năm 2022, thanh toán gốc định kỳ 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 02 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Sở giao dịch, Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở chính cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất của 24 lô đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 960.323 triệu VND.

(viii) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND dùng để tăng quy mô vốn hoạt động để thực hiện dự án Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, dự án Khu công nghiệp Cây Trông, dự án Tổ hợp Văn phòng – Thương mại - Dịch vụ Becamex; thực hiện tăng quy mô vốn hoạt động hoặc các dự án khác phù hợp với quy định của pháp luật. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt VNĐ kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Quân đội cộng biên độ 3,5%/năm.

(ix) Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Tiên Phong, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng liên doanh Việt Nga- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 2.000 tỷ VND dùng để thực hiện các phương án kinh doanh, dự án của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2025, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương cộng biên độ 4%/năm.

Tài sản đảm bảo: Các quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến các quyền sử dụng đất. Tài sản đảm bảo được định giá 2.513,352 triệu VND.

(x) Trái phiếu phát hành cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB.

044
ĐNC
NHIỆM
ĐÁN V
&
T.P

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 140 tỷ VND dùng để tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng Công ty. Trong đó:

- 40 trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 12 tháng 8 năm 2022, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 10,9%/năm;

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số BA 179804 có diện tích 2.062,7 m² tại phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số CB 887178 có diện tích 70,7 m² tại Khu trung tâm đô thị Becamex, phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; 08 quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 270,203 triệu VND.

- 100 trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2022, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 10,6%/năm;

Tài sản đảm bảo: 08 Quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 268,389 triệu VND.

- (xi) Trái phiếu phát hành cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: tổng mệnh giá phát hành 1.500 tỷ VND dùng để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn, cân đối nguồn vốn hoạt động theo quy định của pháp luật. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 15 tháng 8 năm 2024, thanh toán gốc tại ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 03 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định cho 04 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, 04 kỳ tính lãi tiếp theo là 12%/năm, các năm sau lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau (đối với số tiền gửi lớn hơn 10 tỷ VND) kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng biên độ 5%/năm và không thấp hơn 11,5%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất đối với 103 lô đất có tổng diện tích 800.791,80 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 3.141.286.166.800 VND.

- (xii) Trái phiếu phát hành cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 140 tỷ VND, khối lượng phát hành thành công 100 tỷ VND dùng để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2022, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 10,9%/năm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số BA 133330 với diện tích 4.531 m² tại phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến các quyền sử dụng đất; tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến tài sản gắn liền với đất và các lô đất nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 204.438 triệu VND.

(xiii) Trái phiếu phát hành cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 140 tỷ VND dùng để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 12 tháng 8 năm 2022, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 10,9%/năm.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số BA 179804 có diện tích 2.062,7 m² tại phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số CB 887178 có diện tích 70,7 m² tại Khu trung tâm đô thị Becamex, phường Phú Hòa, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; 08 quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 270,203 triệu VND.

(xiv) Trái phiếu phát hành cho Tổng Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trái phiếu phát hành là trái phiếu có bảo đảm với các điều khoản và điều kiện: Tổng mệnh giá phát hành tối đa 50 tỷ VND dùng để tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng Công ty. Trái phiếu được phát hành dưới hình thức ghi sổ có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2022, thanh toán gốc vào ngày đáo hạn. Trái phiếu có kỳ tính lãi định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành, lãi suất cố định là 10,6%/năm.

Tài sản đảm bảo: 08 Quyền sử dụng đất tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, các tài sản gắn liền với đất và toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh liên quan đến tài sản gắn liền với đất được thế chấp nêu trên. Tài sản đảm bảo được định giá 268,389 triệu VND.

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.626.387.460.006	374.029.999.997	1.447.318.548.576	805.038.911.433
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.000.000.000	10.000.000.000	45.000.000.000	-
Trái phiếu thường	5.979.418.736.535	924.745.847.392	5.054.672.889.143	-
Cộng	8.660.806.196.541	1.308.775.847.389	6.546.991.437.719	805.038.911.433
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.110.417.460.003	484.029.999.997	1.516.918.899.429	1.109.468.560.577
Vay dài hạn các tổ chức khác	63.000.000.000	8.000.000.000	46.000.000.000	9.000.000.000
Trái phiếu thường	5.929.926.301.735	3.789.500.000.000	2.140.426.301.735	-
Cộng	9.103.343.761.738	4.281.529.999.997	3.703.345.201.164	1.118.468.560.577

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	170.055.829.145	112.521.000.000	(6.104.018.301)	276.472.810.844
Quỹ phúc lợi	2.885.023.894	14.000.000.000	(16.885.023.894)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.874.280.000	(1.756.235.500)	118.044.500
Cộng	172.940.853.039	128.395.280.000	(24.745.277.695)	276.590.855.344

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Chi tiết phát sinh của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	85.000.000.000	44.149.772.891
Tăng do trích lập trong năm	90.000.000.000	85.000.000.000
Hoàn nhập trong năm	-	(44.149.772.891)
Số đã sử dụng	(36.486.177.555)	-
Số cuối năm	138.513.822.445	85.000.000.000

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp nhà nước	9.878.048.000.000	9.878.048.000.000
Các cổ đông khác	471.952.000.000	471.952.000.000
Cộng	10.350.000.000.000	10.350.000.000.000

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.035.000.000	1.035.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Số được duyệt trích</u>	<u>Số trích năm nay</u>
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	126.521.000.000	126.521.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	681.739.319.473	681.739.319.473
• Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1.874.280.000	1.874.280.000
• Chia cổ tức 4%	414.000.000.000	414.000.000.000
Cộng	1.224.134.599.473	1.224.134.599.473

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 26.212,93 USD (Số đầu năm là 983.561,49 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh bất động sản ⁽ⁱ⁾	2.703.573.074.196	4.578.747.306.472
Doanh thu xây dựng	69.153.158.741	163.450.934.882
Doanh thu cung cấp dịch vụ	245.619.102.594	254.621.388.140
Doanh thu khác	85.553.080.271	279.633.375.015
Cộng	<u>3.103.898.415.802</u>	<u>5.276.453.004.509</u>

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	31.385.590.260	28.870.566.518
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(33.360.486.011)	(14.714.612.732)
Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư	<u>(1.974.895.751)</u>	<u>14.155.953.786</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.12b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Cho thuê mặt bằng	12.270.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Cho thuê mặt bằng	12.215.154.000	19.381.620.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex		
Phí quản lý	60.899.681	81.207.815
Mua hộ khẩu trang	7.200.000	-
Công ty Liên doanh TNHH SinViet		
Phí quản lý	29.456.547	-

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	47.048.818.184	583.835.106.516
Giảm giá hàng bán	1.919.799.346	2.209.711.377
Cộng	<u>48.968.617.530</u>	<u>586.044.817.893</u>

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.117.666.583.522	2.063.522.615.410
Giá vốn xây dựng	69.153.158.741	148.885.426.684
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	79.581.401.247	77.321.691.800
Giá vốn hoạt động khác	60.604.438.591	205.036.626.481
Cộng	<u>1.327.005.582.101</u>	<u>2.494.766.360.375</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	851.216.547	29.524.846.552
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.638.265.111	1.858.811.878
Lãi cổ tức chậm trả	80.196.449.164	73.769.775.465
Cổ tức, lợi nhuận được chia	284.772.232.600	832.391.161.600
Lãi tiền cho vay	391.416.667	1.094.513.889
Lãi thanh lý, chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	384.441.967.238
Lãi trái phiếu	2.549.659.726	3.363.491.000
Doanh thu tài chính khác	22.911.404	-
Cộng	<u>370.422.151.219</u>	<u>1.326.444.567.622</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	343.862.403.588	360.959.840.515
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	7.910.719.619	5.399.960.237
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	(42.963.881.873)	18.140.635.504
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	28.038.312
Chi phí tài chính khác	32.410.000	1.976.321.654
Cộng	<u>308.841.651.334</u>	<u>386.504.796.222</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	112.637.846.989	188.988.696.386
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.534.246.367	8.144.682.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.975.918.292	84.866.221.229
Chi phí quảng cáo, quảng bá đầu tư	92.437.557.541	118.672.916.258
Chi phí điện, nước, viễn thông	41.860.871.682	33.462.032.530
Chi phí hợp tác kinh doanh	59.922.333.067	-
Các chi phí khác	177.223.763.783	238.355.037.274
Cộng	<u>574.592.537.721</u>	<u>672.489.585.839</u>

3004.
CÔN
CHÍNH
TỔNG
HỢP
A &
VH-T.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	190.163.333.275	383.239.853.572
Chi phí vật liệu quản lý	3.850.907.751	4.878.827.925
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.694.573.317	2.846.447.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.098.248.491	20.459.215.558
Thuế, phí và lệ phí	14.370.609.067	12.638.130.555
Tiền ăn, phụ cấp	591.925.359	18.097.948.325
Chi phí giao tế, tiếp khách	9.232.213.876	10.547.881.621
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	90.000.000.000	40.850.227.109
Các chi phí khác	32.687.569.144	78.663.754.398
Cộng	<u>363.689.380.280</u>	<u>572.222.286.795</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	3.788.539.181	3.591.228.114
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	108.513.386	429.656.177
Thu lãi phạt chậm thanh toán	52.272.354.879	36.526.905.941
Thu nhập từ vận hành Trung tâm hành chính Tỉnh Bình Dương	-	7.734.883.636
Thu nhập khác	546.923.092	3.957.677.995
Cộng	<u>56.716.330.538</u>	<u>52.240.351.863</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị từ công ty con, công ty liên kết	3.788.539.181	3.225.442.000
Chi phí vận hành Trung tâm hành chính Tỉnh Bình Dương	-	7.734.883.636
Phạt chậm nộp cổ tức	-	3.131.252.256
Chi phí khác	2.452.616.484	5.835.049.326
Cộng	<u>6.241.155.665</u>	<u>19.926.627.218</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	269.050.383.681	283.441.800.966
Chi phí nhân công	491.125.991.415	698.889.236.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.872.784.954	130.364.856.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.125.945.308.505	3.761.377.793.573
Chi phí khác	394.256.336.661	493.077.420.514
Cộng	<u>4.419.250.805.216</u>	<u>5.367.151.107.887</u>

18/15
TY
HỮU
À TU
C
HỒC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền mua tài sản cố định	31.304.429.199	38.169.266.896
Trả trước tiền mua tài sản cố định	875.200.000	11.185.200.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	50.256.462.090	67.518.919.333
Trên 01 năm đến 05 năm	201.025.848.360	270.075.677.333
Trên 05 năm	1.371.729.576.500	2.124.105.204.009
Cộng	1.623.011.886.950	2.461.699.800.675

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tổng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.126.160.000	1.000.000.000	297.535.000	3.423.695.000
Ông Nguyễn Phú Thịnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Hoàng – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	467.907.600	300.000.000	-	767.907.600
Ông Phạm Ngọc Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.606.524.000	750.000.000	-	2.356.524.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	800.755.200	350.000.000	67.000.000	1.217.755.200

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Phó Tổng Giám đốc	1.083.669.600	500.000.000	-	1.583.669.600
Ông Nguyễn Hoàn Vũ – Phó Tổng Giám đốc	1.081.524.000	500.000.000	352.854.000	1.934.378.000
Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Tổng Giám đốc	1.081.524.000	500.000.000	561.765.000	2.143.289.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	1.081.524.000	500.000.000	781.067.411	2.362.591.411
Ông Nguyễn Việt Long – Phó Tổng Giám đốc	1.211.480.000	525.000.000	-	1.736.480.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Kế toán trưởng	1.086.888.000	500.000.000	240.000.000	1.826.888.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát	357.617.100	149.305.000	340.571.000	847.493.100
Ông Huỳnh Vĩnh Thành – Thành viên Ban kiểm soát	247.272.000	99.600.000	67.000.000	413.872.000
Bà Huỳnh Thị Quế Anh – Thành viên Ban kiểm soát	205.404.000	76.600.000	69.463.000	351.467.000
Cộng	12.438.249.500	5.750.505.000	3.197.255.411	21.386.009.911
Năm trước				
Ông Nguyễn Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.303.204.000	1.122.668.000	250.224.000	3.676.096.000
Ông Nguyễn Phú Thịnh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	346.944.000	346.944.000
Ông Nguyễn Văn Hoàng – Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	1.176.002.600	638.470.000	-	1.814.472.600
Ông Phạm Ngọc Thuận - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	1.721.951.000	788.470.000	-	2.510.421.000
Ông Nguyễn Danh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	849.597.600	533.470.000	75.000.000	1.458.067.600
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	165.000.000	165.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh Huy – Phó Tổng Giám đốc	1.171.378.000	637.183.000	-	1.808.561.000
Ông Nguyễn Hoàn Vũ – Phó Tổng Giám đốc	1.171.378.000	637.183.000	254.180.000	2.062.741.000
Ông Quảng Văn Viết Cương – Phó Tổng Giám đốc	1.128.747.000	300.000.000	427.508.000	1.856.255.000
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Tổng Giám đốc	1.128.747.000	300.000.000	623.353.292	2.052.100.292
Ông Nguyễn Việt Long – Phó Tổng Giám đốc	1.398.980.000	300.000.000	-	1.698.980.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân – Kế toán trưởng	1.176.122.500	637.183.000	168.000.000	1.981.305.500
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Trưởng Ban kiểm soát	384.492.000	395.966.000	247.188.000	1.027.646.000
Ông Huỳnh Vĩnh Thành – Thành viên Ban kiểm soát	265.200.000	227.120.000	55.000.000	547.320.000
Bà Huỳnh Thị Quế Anh – Thành viên Ban kiểm soát	125.377.000	187.806.000	38.868.000	352.051.000
Cộng	14.001.176.700	6.705.519.000	2.651.265.292	23.357.960.992

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty con
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	Công ty con
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex	Công ty con
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Setia – Becamex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.12b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex		
Chi phí dịch vụ khác	8.772.577.648	10.382.070.405
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex		
Mua vé máy bay	624.173.641	555.549.564
Nhận cung cấp dịch vụ quản lý	634.614.850	21.823.248.538
Nhận cung cấp điện	2.969.978.898	2.469.122.989

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Việt</i> Nhận cung cấp dịch vụ thi công	-	225.040.863
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex</i> Mua nguyên vật liệu, vật tư	5.551.000	18.522.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.5, V.13, V.14 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty do các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Các lĩnh vực khác: xây dựng, cung cấp dịch vụ và lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.900.223.559.260	154.706.239.012	3.054.929.798.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.900.223.559.260	154.706.239.012	3.054.929.798.272
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	812.209.663.814	(22.567.365.643)	789.642.298.170
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			789.642.298.170
Doanh thu hoạt động tài chính			370.422.151.219
Chi phí tài chính			(308.841.651.334)
Thu nhập khác			56.716.330.538
Chi phí khác			(6.241.155.665)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(123.556.009.730)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			778.141.963.198

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>(78.829.771.656)</i>	-	<i>(78.829.771.656)</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>132.573.005.548</i>	<i>6.299.779.406</i>	<i>138.872.784.954</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.247.323.876.719	443.084.309.897	4.690.408.186.616
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.247.323.876.719	443.084.309.897	4.690.408.186.616
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.056.672.396.201	(105.742.442.594)	950.929.953.607
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			950.929.953.607
Doanh thu hoạt động tài chính			1.326.444.567.622
Chi phí tài chính			(386.504.796.222)
Thu nhập khác			52.240.351.863
Chi phí khác			(19.926.627.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(218.835.150.969)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.704.348.298.683
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>51.226.093.953</i>	-	<i>51.226.093.953</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>119.417.035.024</i>	<i>10.947.821.472</i>	<i>130.364.856.496</i>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.343.419.230.543	-	21.343.419.230.543
Tài sản phân bổ cho bộ phận	4.641.120.201.614	247.570.656.718	4.888.690.858.332
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			12.185.259.469.563
Tổng tài sản			38.417.369.558.438
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.713.467.256.717	-	2.713.467.256.717
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	21.737.113.061.361	1.159.519.926.650	22.896.632.988.011
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			415.104.677.789
Tổng nợ phải trả			26.025.204.922.517

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP

Địa chỉ: Số 8 Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.391.106.904.254	-	17.391.106.904.254
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6.787.240.625.599	708.050.508.035	7.495.291.133.634
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			10.957.870.575.879
Tổng tài sản			35.844.268.613.767
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.980.548.439.328	-	1.980.548.439.328
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	19.423.125.036.647	2.026.236.332.030	21.449.361.368.677
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			257.940.853.039
Tổng nợ phải trả			23.687.850.661.044


3b. Thông tin về khu vực địa lý

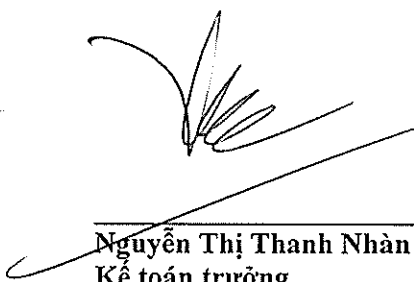
Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

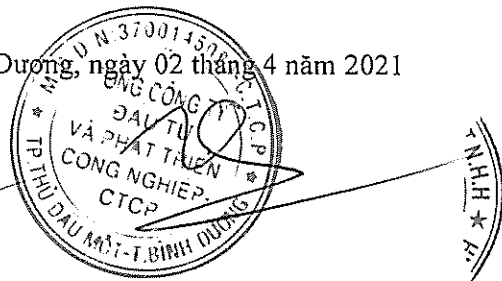
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

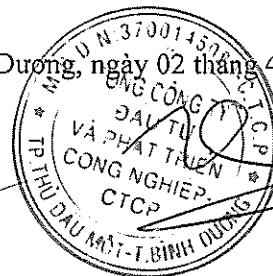
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021


Nguyễn Phước Đại
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kê toán trưởng


Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

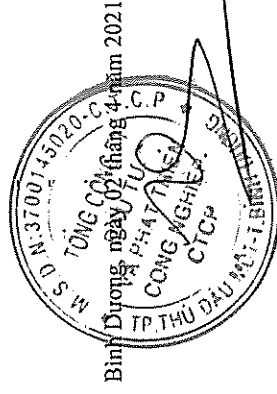
Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	330.806.863.663	409.533.672.086	541.121.558.003	59.536.852.695	1.340.998.946.447
Mua trong năm	-	1.525.279.455	51.459.701.638	12.634.098.190	65.619.079.283
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.688.194.000	6.777.462.546	-	10.465.656.546
Kết chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.049.000.000)	-	(2.049.000.000)
Số cuối năm	330.806.863.663	414.747.145.541	597.309.722.187	72.170.950.885	1.415.034.682.276
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.248.079.999	36.844.930.511	60.961.508.392	32.977.043.203	140.031.562.105
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	138.192.938.412	57.640.472.813	382.482.717.905	38.172.751.106	616.488.880.236
Khấu hao trong năm	22.899.721.874	29.774.437.425	57.137.055.745	8.138.480.685	117.949.695.729
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.020.240.659)	-	(2.020.240.659)
Số cuối năm	161.092.660.286	87.414.910.238	437.599.532.991	46.311.231.791	732.418.335.306
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	192.613.925.251	351.893.199.273	158.638.840.098	21.364.101.589	724.510.066.211
Số cuối năm	169.714.203.377	327.332.235.303	159.710.189.196	25.859.719.094	682.616.346.970

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý



Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

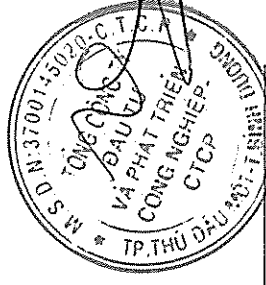
Phụ lục 02: Chi tiết phát sinh về Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	78.738.194.237	-	186.469.438.154	(91.902.937.689)	-	173.304.694.702	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.845.348.906	-	123.556.009.730	(132.476.462.316)	(10.995.362.812)	56.929.533.508	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	15.797.972	-	18.740.680.123	-	(15.797.972)	18.740.680.123	-
Thuế thu nhập cá nhân	52.247.197.942	-	35.112.829.205	(36.860.809.379)	-	50.499.217.768	-
Thuế nhà đất	-	1.938.284.501	78.464.259.311	(78.464.259.311)	-	-	1.938.284.501
Các loại thuế khác	117.532.856	-	1.116.242.822	(979.012.823)	-	254.762.855	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	358.437.729	-	2.306.219.260	(2.306.219.260)	-	358.437.729	-
Cộng	208.322.509.642	1.938.284.501	445.765.678.605	(342.989.700.778)	(11.011.160.784)	300.087.326.685	1.938.284.501

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021



Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Nguyễn Phước Đại
Người lập

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Phụ lục 03: Chi tiết phát sinh về các khoản vay

Đơn vị tính: VND

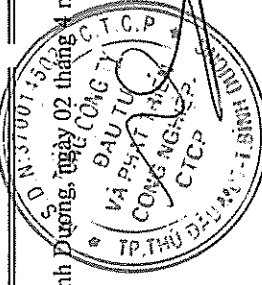
Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.971.829.614.684	2.335.347.077.163	-	-	(1.990.045.679.666)	3.317.131.012.181
Vay ngắn hạn các cá nhân	84.827.000.000	41.471.001.000	-	-	(42.181.000.000)	84.117.001.000
Vay dài hạn đến hạn trả	492.029.999.997	-	384.029.999.997	-	(492.029.999.997)	384.029.999.997
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	3.789.500.000.000	-	907.688.412.592	17.057.434.800	(3.789.500.000.000)	924.745.847.392
Cộng	7.338.186.614.681	2.376.818.078.163	1.291.718.412.589	17.057.434.800	(6.313.756.679.663)	4.710.023.860.570

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	2.626.387.460.006	-	(374.029.999.997)	-	-	2.252.357.460.009
Vay dài hạn các tổ chức khác	55.000.000.000	-	(10.000.000.000)	-	-	45.000.000.000
Trái phiếu thường	2.140.426.301.735	3.810.320.000.000	(907.688.412.592)	11.615.000.000	-	5.054.672.889.143
Cộng	4.821.813.761.741	3.810.320.000.000	(1.291.718.412.589)	11.615.000.000	-	7.352.030.349.152

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021



(Signature)

Nguyễn Phước Đại
 Người lập

Nguyễn Thị Thanh Nhân
 Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thuận
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

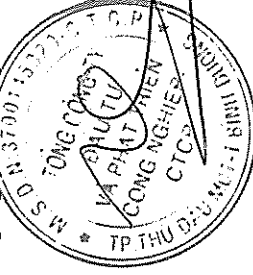
Địa chỉ: Số 8, Đường Hùng Vương, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

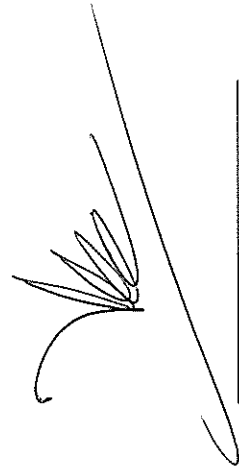
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.125.811.000.000	88.299.545.780	621.318.768.260	10.835.429.314.040
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.704.348.298.683	1.704.348.298.683
Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	224.189.000.000	-	-	224.189.000.000
Hoàn trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	44.149.772.891	44.149.772.891
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(44.149.772.891)	(44.149.772.891)
Chi cổ tức năm nay	-	-	(607.548.660.000)	(607.548.660.000)
Số dư cuối năm trước	10.350.000.000.000	88.299.545.780	1.718.118.406.943	12.156.417.952.723
Số dư đầu năm	10.350.000.000.000	88.299.545.780	1.718.118.406.943	12.156.417.952.723
Lợi nhuận trong năm	-	-	778.141.963.198	778.141.963.198
Trích lập các quỹ trong năm	-	681.739.319.473	(810.134.599.473)	(128.395.280.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(414.000.000.000)	(414.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	10.350.000.000.000	770.038.865.253	1.272.125.770.668	12.392.164.635.921

Bình Dương, ngày 02 tháng 4 năm 2021





Nguyễn Thị Thanh Nhân
Kế toán trưởng

Phạm Ngọc Thuận
Tổng Giám đốc

